

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận
giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2493/TTr-SNV ngày 14 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn

2021 - 2025 và hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo nội dung Kế hoạch này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC thuộc Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐ, HCQT, KTTH, TCDNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 465/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025:

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên các lĩnh vực trong các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước; đảm bảo gắn kết, đồng bộ với việc triển khai của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể trong hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ theo vị trí việc làm, uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế; tạo nên sức mạnh tổng hợp để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Chỉ tiêu đến năm 2025:

2.1. Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX) thuộc nhóm tỉnh loại tốt (đạt từ 80 điểm trở lên/100 điểm tối đa); nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.2. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh (PAPI) thuộc nhóm tỉnh loại khá; nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố xếp hạng cao của cả nước.

2.4. Chỉ số mức độ hài lòng của nền hành chính (SIPAS) đạt từ 90% trở lên; nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố.

2.5. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số là 95%; Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) phân đầu trong nhóm 15 tỉnh, thành phố.

2.6. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) tiếp tục duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố.

2.7. 100% các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đảm bảo đúng quy định pháp luật, chất lượng, khả thi.

2.8. Đơn giản hóa (*rút ngắn thời gian giải quyết; tinh gọn hồ sơ; bãi bỏ; áp dụng cơ chế liên thông; ...*) ít nhất 20% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2.9. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả ở bộ phận một cửa theo quy định.

2.10. Đến năm 2025 ít nhất 80% hồ sơ luân chuyển nội bộ các cơ quan nhà nước được thực hiện theo phương thức điện tử; ít nhất 80% hồ sơ có yêu cầu thanh toán tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó ít nhất 30% phát sinh giao dịch trực tuyến.

2.11. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tăng bình bình quân từ 5%/năm trở lên so với năm 2020.

2.12. 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, rà soát, hoàn thiện, được phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định.

2.13. Giảm ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% số lượng biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.14. Số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên chiếm từ 20% trở lên tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.15. 100% người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt.

2.16. 90% hồ sơ cấp tỉnh, 80% hồ sơ cấp huyện và 60% hồ sơ cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

II. NỘI DUNG:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1.1. Tăng cường vai trò của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, địa phương, đơn vị. Thực hiện kiểm tra đột xuất về kết quả giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 03 cuộc/năm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.2. Chỉ đạo cụ thể hóa các nhiệm vụ trên các trục nội dung cải cách hành chính (*cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số*) phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm,

trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả và mang tính bền vững. Xác lập, giao nhiệm vụ gắn với đánh giá cán bộ, đánh giá năng lực điều hành lãnh đạo, kể cả đánh giá năng lực cạnh tranh của các Sở, ban, ngành, địa phương (Bộ Chỉ số DDCI); tập trung chỉ đạo nâng cao các chỉ số thành phần còn thấp (PAPI, PAR INDEX, PCI, SIPAS); trên cơ sở đó, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và xem đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các địa phương, đơn vị. Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương, đơn vị mình.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi trên phương tiện khác nhau.

3.2. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác cải cách hành chính. Thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhất là tổng kết các mô hình, nhân rộng các điển hình, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt và phê phán, chỉ rõ những nơi có thái độ tiêu cực, những thiếu sót. Phát huy vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, các đoàn thể và Nhân dân đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với khen thưởng, kỷ luật.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục đổi mới sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm bớt đầu mối, nhất là khẩn trương sắp xếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Văn phòng Phát triển kinh tế, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch. Tăng cường xã hội hóa, tăng nguồn thu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội để tăng số lượng người làm việc từ nguồn thu sự nghiệp, giảm áp lực biên chế nhà nước. Kiên quyết chuyển sang cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên đối với những đơn vị sự nghiệp đảm bảo đủ điều kiện.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; xem đây là khâu đột phá quan trọng nhất của công tác cải cách hành chính, là nhiệm vụ then chốt để vận hành, thúc đẩy các trục nội dung còn lại trong công tác cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá cán bộ, công chức gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ. Đổi mới công tác tuyển dụng, công tác bố trí cán bộ theo hướng chất lượng, nâng cao tính cạnh tranh, dân chủ, công khai, minh bạch.

5.2. Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

6. Cải cách tài chính công

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng, tiêu cực tại các cơ quan, đơn vị.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

7.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, 5 quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

7.2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các yêu cầu trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015; tuyên truyền, phổ biến về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 theo mô hình khung trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân thực sự hiểu sâu, rộng về hệ thống quản lý chất lượng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân các chương trình, kế hoạch, nội dung cải cách hành chính, tạo điều kiện để mọi người tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan thường trực trong việc phụ trách từng nội dung trong công tác cải cách hành chính của tỉnh; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm

vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; phân định rõ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, đưa công tác cải cách hành chính thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành và địa phương. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với tiêu chí bình xét thi đua-khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì phối hợp thông qua việc ban hành các quy định, quy chế phối hợp để thực hiện nhiệm vụ.

4. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến nhận xét, phản hồi của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Hàng năm, bố trí đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Làm tốt công tác sơ, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

7. Nghiên cứu, học hỏi, áp dụng thí điểm những mô hình mới, những cách làm hay trong công tác cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố; nhân rộng những mô hình, cách làm hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Căn cứ Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, rà soát Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 để sửa đổi, bổ sung (nếu có) và cụ thể hóa vào Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm (*trước ngày 10/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch*) để tổ chức triển khai thực hiện (*đối với Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và lồng ghép trong báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 9 tháng năm 2022 gửi kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ theo quy định*).

b) Chủ động chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo chất lượng, thời gian yêu cầu và định kỳ xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (*theo hướng dẫn tại Công văn số 167/UBND-VXNV ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Sở Nội vụ: là cơ quan thường trực về công tác cải cách hành chính của tỉnh có trách nhiệm:

- a) Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh công tác Cải cách hành chính và các Chỉ số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025; đảm bảo công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh luôn đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng và sự nỗ lực vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.
- c) Thường xuyên rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành và kiểm tra thực hiện cải cách hành chính.
- d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tỉnh (SIPAS). Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh; trực tiếp phụ trách công tác cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổng hợp, đề xuất chung trên tất cả các lĩnh vực của công tác cải cách hành chính.
- đ) Phối hợp với Sở Tài chính để thẩm định kinh phí hoạt động triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các Sở, ban, ngành.
- e) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các đơn vị ngành dọc trên địa bàn tỉnh.
- g) Đến năm 2025, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.
- h) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.1, 2.2, 2.4, 2.12, 2.13 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này.
- g) Định kỳ hàng năm tham mưu tổ chức sơ, tổng kết công tác cải cách hành chính và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện xuất sắc công tác cải cách hành chính; đồng thời chủ động đề xuất phê bình, xử lý những cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với tổ chức, doanh nghiệp về thủ tục hành chính.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thủ tục hành chính; thời gian cắt giảm thủ tục hành chính và hoạt động hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

đ) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.8 2.9 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này.

4. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai; rà soát, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai công tác cải cách thể chế.

b) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.7 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này.

5. Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, rà soát, kiểm tra, giám sát, tham mưu, tổng hợp kết quả triển khai công tác cải cách tài chính công.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định; chủ trì hướng dẫn các Sở, ban, ngành lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện.

c) Tham mưu đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung về cải cách tài chính công và đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

d) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.14 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này.

6. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, rà soát, kiểm tra, tham mưu, tổng hợp kết quả triển khai công tác xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số theo Kế hoạch này và các Đề án đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

b) Tham mưu triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan

đẩy mạnh thực hiện Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; đồng thời ban hành Kế hoạch tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp tham gia các kênh tương tác của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

d) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.5, 2.6, 2.10, 2.11, 2.15, 2.16 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, rà soát, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất thực hiện tốt việc ứng dụng và theo dõi kết quả đã thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình cấp có thẩm quyền quyết định việc phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách địa phương và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề xuất giải pháp xử lý theo quy định.

b) Trực tiếp phụ trách tham mưu các giải pháp để thực hiện mục tiêu tại Điểm 2.3 Khoản 2 Mục I Kế hoạch này..

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các hình thức tuyên truyền về công tác cải cách hành chính như: Sáng tác tranh cổ động; in đĩa VCD phát xuống các xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch tuyên truyền lưu động xuống đến tận các thôn, khu phố. Lòng ghép vào những chương trình hoạt động văn hóa; biểu diễn nghệ thuật quần chúng.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, tham mưu, rà soát các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tiếp tục rà soát, tham mưu sắp xếp mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

11. Sở Y tế:

a) Chủ trì tham mưu, rà soát các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

12. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thành phố:

Chủ động xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương để tuyên truyền về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tiếp nhận và phản ánh ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội về công tác cải cách hành chính nhà nước của địa phương.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính trong tổ chức mình; giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai Kế hoạch.

(Kèm theo Phụ lục các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2025)



PHỤ LỤC

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021- 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 465 /QĐ-UBND ngày 16 /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính hàng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh	Trước 25/12 hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính	Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
a)	Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính định kỳ <i>(lồng ghép nội dung kiểm tra các Bộ Chỉ số: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS)</i>	Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
b)	Kiểm tra đột xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính gắn với việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh hoặc Sở Nội vụ	Thường xuyên trong năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Kế hoạch tuyên truyền công tác Cải cách hành chính hàng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4	Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quý III/2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
5	Tham mưu Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh công tác Cải cách hành chính và các Chỉ số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quý III/2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
6	Tổ chức Hội nghị phân tích các Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý II-III hằng năm (sau khi cấp có thẩm quyền công bố các Chỉ số)	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
7	Đánh giá việc thực hiện CCHC định kỳ đảm bảo đúng tiến độ thời gian quy định	Thông báo	Quý IV/2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4	Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
5	Công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực hàng năm	Quyết định của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
6	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
2	Công bố thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các cấp	Quyết định của UBND các cấp	Thường xuyên trong năm	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Kế hoạch kiểm tra công tác thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Công khai TTHC, tiến độ giải quyết TTHC; kết quả đánh giá giải quyết TTHC của <i>Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn</i>	- Danh mục TTHC, kết quả giải quyết TTHC được công khai trên Trang Thông tin điện tử	Thường xuyên trong năm	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
		của tỉnh. - Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai trên Công thông tin dịch vụ công của tỉnh.			
5	Thực hiện nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đảm bảo thời gian quy định	TTHC được cập nhật trên hệ thống	Thường xuyên trong năm	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
6	Kế hoạch triển khai <i>“Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”</i> .	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
7	Tiếp tục triển khai xác định năng lực cạnh tranh đối với các Sở, ban, ngành, địa phương (DDCI)	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I - theo nhu cầu hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
8	Tham mưu kế hoạch tổ chức tự chấm điểm kết quả cải cách hành chính của tỉnh.	Kế hoạch, Báo cáo của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
9	Tổ chức thẩm định, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đối với các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch, Thông báo của UBND tỉnh	Quý IV hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
10	Kế hoạch triển khai <i>“Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”</i>	Quyết định của UBND tỉnh	Theo KH của ĐV năm 2023	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	Tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thực hiện thí điểm theo tinh thần Thông báo số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 về kết luận của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Các Sở, ban, ngành liên quan
3	Tiếp tục triển khai phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và các quy định hiện hành.				
a)	Tham mưu Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Kỳ họp cuối năm 2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
b)	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ đã phân cấp	Quyết định, Kế hoạch kiểm tra; Báo cáo kết quả	Quý III hàng năm	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
		kiểm tra		Tài nguyên và Môi trường	
5	Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/218/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên trong năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
6	Tham mưu Kế hoạch tinh giản biên chế hành chính các cơ quan Nhà nước theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
7	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Đảm bảo thực hiện theo quy định và kịp thời	Theo Kế hoạch – lộ trình của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
8	Tiếp tục rà soát việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh; nâng cấp đô thị	Theo Kế hoạch – lộ trình của Chính phủ	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Tiếp tục đổi mới công tác thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức	Thường xuyên – theo nhu cầu hàng năm	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và triển khai có hiệu quả	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Kế hoạch kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch, Báo cáo của UBND tỉnh	Thường xuyên hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng gắn với kết quả triển khai công tác cải cách hành chính, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.	Kế hoạch của UBND tỉnh; phát động thi đua; sơ, tổng kết phong trào thi đua	Thường xuyên hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 và Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Theo lộ trình hàng năm	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.				
2	Báo cáo kết quả thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Báo cáo của UBND tỉnh	Trước 31/12 hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Báo cáo kết quả thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước (<i>các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách</i>)	Báo cáo của UBND tỉnh	Theo đề nghị của Thanh tra, Kiểm toán	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Rà soát các quy định về quản lý tài sản công để tham mưu bổ sung, sửa đổi theo quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công	Quyết định của UBND tỉnh	Theo kế hoạch hàng năm	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các đơn vị.	Chuyên mục trên Cổng TTĐT	Theo kế hoạch hàng năm	Sở Thông tin và Tuyên thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Tổ chức duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử khi có phiên bản mới; tiếp tục duy trì triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Văn bản của UBND tỉnh	Thường xuyên hàng năm	Sở Thông tin và Tuyên thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
3	Nâng cấp, mở rộng Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc để phù hợp với yêu cầu kết nối liên thông với các hệ thống thông tin	Dự án triển khai	Năm 2023	Sở Thông tin và Tuyên thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
4	Kế hoạch duy trì, thực hiện Cổng dịch vụ công đáp ứng chức năng, yêu cầu kỹ thuật và tích hợp đầy đủ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên hàng năm	Sở Thông tin và Tuyên	Các Sở, ban, ngành, UBND các

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	KẾT QUẢ, SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	dịch vụ công mức độ 3,4 theo danh mục được phê duyệt; đảm bảo 100% số dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.			thông	huyện, thành phố
5	Hướng dẫn, kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố